

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/DS-ST

Ngày 23 - 02 - 2026

“V/v Tranh chấp tiền hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Lắm

Ông Trịnh Thanh Trần

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau.

Ngày 23 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp tiền hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã TB, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Đàm Mộng T, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã TB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Khoảng tháng 9 năm 2023, bà có tham các chứng hui tại các dây ngày và hui tháng do bà Đàm Mộng T làm chủ hui.

Đến ngày 20/11/2024 (dương lịch), bà T tuyên bố đình hui, khi đình hui bà T có làm biên nhận thừa nhận còn thiếu tiền hui của bà với số tiền 85.370.000 đồng, bà T cam kết trả số tiền hui đã thiếu cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Đến tháng 01 năm 2025 (dương lịch), bà T trả tiền hui cho bà được 03 tháng với số tiền 2.500.000 đồng thì không trả nữa. Bà đã nhiều lần đến gặp bà T yêu cầu trả số tiền hui còn lại, nhưng bà T chỉ hứa hẹn mà không trả.

Nay bà yêu cầu bà T trả số tiền hui còn thiếu 82.870.000 đồng. Bà yêu cầu bà T trả lãi số tiền hui chậm trả là $82.870.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} (10\%/\text{năm}) \times 08 \text{ tháng}$ (tính tròn từ ngày 20/02/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 23/9/2025) = 5.500.000 đồng. Tổng cộng tiền hui còn thiếu và lãi chậm trả là 88.370.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Đàm Mộng T:

[2.1] Về giao dịch hui giữa hai bên: Bà L cho rằng khoảng tháng 9 năm 2023, bà L có tham các chung hui tại các dây ngày và hui tháng do bà T làm chủ hui. Đến ngày 20/11/2024 (dương lịch), bà T tuyên bố đình hui, khi đình hui bà T có làm biên nhận thừa nhận còn thiếu tiền hui của bà L với số tiền 85.370.000 đồng, bà T cam kết trả số tiền hui đã thiếu cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đến tháng 01 năm 2025 (dương lịch), bà T trả tiền hui cho bà L được 03 tháng với số tiền 2.500.000 đồng thì không trả nữa. Bà L yêu cầu bà T trả số tiền hui còn thiếu 82.870.000 đồng. Xét thấy, sự việc giao dịch chơi hui giữa bà L và bà T như lời trình bày nói trên của bà L là thực tế có diễn ra, điều này phù hợp với nội dung biên nhận nợ tiền hui lập ngày 20/11/2024 do bà T viết và ký tên. Theo nội dung biên nhận nợ tiền hui đã nêu thể hiện trong quá trình chơi hui do bà T gặp sự cố rủi ro hui viên giạt hui nhiều nên bà T dừng lại tất cả các dây hui, bà T chịu trách nhiệm gom hui trả cho bà L số tiền 85.370.000 đồng, trả mỗi tháng 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 20/11/2024 (dương lịch) cho đến khi trả hết số tiền trên. Sau đó, bà T chỉ trả tiền hui cho bà L được 03 tháng với số tiền 2.500.000 đồng thì không trả nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cũng không có ý kiến gì đối với số tiền bà L khởi kiện. Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định bà T còn thiếu tiền hui bà L số tiền 82.870.000 đồng, bà T không trả số tiền hui cho bà L như thoả thuận nên bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền hui còn thiếu là có căn cứ chấp nhận, buộc bà T trả cho bà L tiền hui còn thiếu là 82.870.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất tiền hui chậm trả: Theo thoả thuận tại biên nhận nợ tiền hui bà T phải trả tiền hui còn thiếu cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 20/11/2024 (dương lịch) cho đến khi trả hết số tiền nợ, tuy nhiên bà T chỉ trả tiền hui cho bà L được 03 tháng với số tiền 2.500.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Do bà T vi phạm nghĩa trả nợ tiền hui hàng tháng cho L như cam kết nên bà L có quyền yêu cầu bà T trả lãi suất chậm trả đối với số tiền hui đã thiếu, do đó bà L yêu cầu bà T trả lãi suất số tiền hui chậm trả kể từ ngày 20/02/2025 (thời điểm bắt đầu chậm trả) đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 23/9/2025 tính tròn 08 tháng với mức lãi suất 10%/năm (bằng 0,83%/tháng) là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, số tiền lãi chậm trả bà T phải trả cho bà L là $82.870.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} (10\%/năm) \times 08 \text{ tháng} = 5.500.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Tổng cộng bà T phải trả cho bà L số tiền hui còn thiếu và lãi chậm trả với số tiền 88.370.000 đồng.

[3] Về án phí: Do khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà T phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả nợ với số tiền án phí 4.418.000 đồng. Bà L không phải chịu án phí, ngày 17/7/2025 bà L nộp tạm ứng án phí số tiền 2.071.000 đồng theo biên lai thu số 0012146 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cà Mau được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Đàm Mộng T.

Buộc bà Đàm Mộng T có nghĩa vụ trả nợ tiền hui còn thiếu cho bà Trần Thị L với số tiền 88.370.000 đồng (Tám mươi tám triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, bà Đàm Mộng T chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự có giá ngạch bà Đàm Mộng T phải nộp 4.418.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm mười tám ngàn đồng). Bà Trần Thị L không phải chịu án phí, ngày 17/7/2025 bà Trần Thị L nộp tạm ứng án phí số tiền 2.071.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012146 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đàm Mộng T vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VPTANDKV2-CM.

Bùi Văn Việt